

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/ DS-ST
Ngày: 24 - 5 - 2022
V/v *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Khêm
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện T C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2021/TLST-DS, ngày 26 tháng 11 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thái Thị Cẩm M, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Xóm Vó, xã Phú Cần, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và lời khai tại tòa của chị Thái Thị Cẩm M là nguyên đơn như sau:

Vào ngày 25/3/2021 chị M có cho ông Nguyễn Chí T vay số tiền 11.200.000 đồng, khi vay tiền hai bên có làm hợp đồng bằng văn bản được công chứng và ông T có giao cho chị M 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY752881 do ông T đứng tên để đảm bảo số tiền đã vay, khi vay tiền thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng nhưng không có ghi vào hợp đồng. Ông T thỏa thuận 02 tháng sau sẽ trả lại tiền cho chị M. Tuy nhiên ông T không thực hiện đúng như thỏa thuận mà chỉ đóng lãi được 500.000 đồng và trì

hoãn việc trả nợ. Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 9 năm 2021 chị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả số tiền vốn gốc là 11.200.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên đến ngày 04 tháng 5 năm 2022 ông T đã tiếp tục trả cho chị M được 12.000.000 đồng và chị M đã giao lại cho ông T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY752881. Nay chị M yêu cầu ông T tiếp tục trả số tiền 4.700.000 đồng.

- Theo lời trình bày của ông Nguyễn Chí T là bị đơn như sau: Ông T có vay tiền của chị Thái Thị Cẩm M với số vốn gốc là 10.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Ông T đã đóng tiền lãi được 500.000 đồng, khi vay tiền không có làm văn bản nhưng đến ngày 25/3/2021 hai bên có làm hợp đồng bằng văn bản được công chứng với số tiền gốc là 11.200.000 đồng. Trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, vào ngày 04 tháng 5 năm 2022 ông T đã trả tiếp cho chị M 12.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay ông T cũng thừa nhận thiếu số tiền vốn gốc vay của chị M là 11.200.000 đồng, tuy nhiên ông T đã trả cho chị M được 12.500.000 đồng nên nay ông T tự nguyện tiếp tục trả cho chị M 2.000.000 đồng. Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY752881 ông T đã nhận lại xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Thái Thị Cẩm M khởi kiện ông Nguyễn Chí T để yêu cầu trả tiền vay. Xét thấy đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện chị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả số tiền vốn gốc là 11.200.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do đến ngày 04 tháng 5 năm 2022 ông T đã trả cho chị M tổng cộng là 12.500.000 đồng nên chị M yêu cầu ông T phải tiếp tục trả số tiền 4.700.000 đồng. Đối với ông T thì chỉ đồng ý trả cho chị M 2.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị Cẩm M, qua các tài liệu chứng cứ các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử thấy rằng hợp đồng vay tài sản giữa chị Thái Thị Cẩm M với ông Nguyễn Chí T là có thật. Bởi khi vay tiền, hai bên tự nguyện làm hợp đồng bằng văn bản và được công chứng. Số tiền vốn gốc chị M cho ông T vay là 11.200.000 đồng, hai bên thỏa thuận sau 02 tháng kể từ ngày 25/3/2021 thì ông T sẽ trả tiền vốn và tiền lãi. Tuy nhiên ông T không thực hiện đúng như thỏa thuận, từ khi vay tiền ngày 25/3/2021 đến ngày 04/5/2022 ông T đã trả được cho chị M 12.500.000 đồng. Để làm rõ số tiền còn lại (bao gồm tiền vốn và tiền lãi) ông T phải có nghĩa vụ trả cho chị M, Hội đồng xét xử thấy căn cứ vào khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tính tiền lãi với mức lãi suất là

20%/năm. Thời gian từ 25/3/2021 đến ngày 04 tháng 5 năm 2022 là 01 năm 01 tháng 09 ngày. Số tiền lãi được tính như sau:

$(11.200.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ năm} \times 20\%) + (11.200.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ tháng} \times 1,66\%) + (11.200.000 \text{ đồng} \times 09 \text{ ngày} \times 0,05\%) = 2.476.300 \text{ đồng}.$

Tính đến ngày 04/5/2022 tổng cộng tiền vốn (11.200.000 đồng) và tiền lãi (2.476.300 đồng) là 13.676.300 đồng. Ông T đã trả được cho chị M 12.500.000 đồng. Như vậy số tiền vốn gốc ông T còn thiếu chị M là 1.176.300 đồng. Thời gian từ ngày 04/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/5/2022) là 20 ngày, số tiền lãi chậm thanh toán được tiếp tục tính như sau: $1.176.300 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 20 \text{ ngày} = 11.763 \text{ đồng}.$

Tổng cộng tiền vốn gốc và tiền lãi ông T phải tiếp tục trả cho chị M là: $1.176.300 \text{ đồng} + 11.763 \text{ đồng} = 1.188.063 \text{ đồng}.$ Tuy nhiên do tại phiên tòa ông T tự nguyện tiếp tục trả cho chị M số tiền 2.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của ông T.

[5] Về án phí: Do chị Thái Thị Cẩm M được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đồng thời căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ông Nguyễn Chí T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 275, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị Cẩm M. Buộc ông Nguyễn Chí T phải có nghĩa trả cho chị Thái Thị Cẩm M số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Chí T nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng.

Chị Thái Thị Cẩm M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Thái Thị Cẩm M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 298.367 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002794 ngày 24 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T C.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T C;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện T C;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tùng